

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 19/12/2025
V/v: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Thành Thái**

2. Ông **Nguyễn Văn Kiện**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Chí Thăng** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – An Giang tham gia phiên tòa:
Ông **Bành Bảo Ngọc** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2025, về việc: “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp TT, xã TH, tỉnh AG.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp TT, xã TH, tỉnh AG.

(Chị M, anh B có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:**

Chị và anh Nguyễn Văn B có chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Ái, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

Trong quá trình chung chị và anh Nguyễn Văn B có 02 người con chung tên Nguyễn Tường D1, sinh ngày 18/11/2004 và Nguyễn Hải D2, sinh ngày 10/7/2010. Về tài sản chung: không có tài sản chung; về nợ chung: chúng không có

nợ ai và không ai nợ vợ chồng anh chị. Nguyên nhân mâu thuẫn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm dù vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Do đó chị khởi kiện xin ly hôn với anh B.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị M trình bày thêm về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng trong hôn nhân là: do chị nghi ngờ anh B có vợ bé nhưng chị không tìm hiểu cụ thể. Chị đã yêu cầu chồng chấm dứt mối quan hệ này nhưng chồng chị cho rằng đó chỉ là quan hệ bạn bè thân thiết rồi chửi mắng chị thậm tệ. Sau nhiều lần không thuyết phục được anh B từ bỏ quan hệ ngoài hôn nhân, chị M đã dẫn con trai nhỏ đi về Thứ 7 (huyện An Biên cũ) sinh sống.

Nay chị yêu cầu:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn B;

- Về con chung: Đối với con chung tên Nguyễn Tường D1, sinh ngày 18/11/2004 đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hải D2, sinh ngày 10/7/2010, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con;

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết;

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*** Bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày:**

Tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Văn B cũng thừa nhận rằng anh cũng có quan hệ ngoài hôn nhân nhưng anh cho rằng chuyện đó là bình thường trong cuộc sống, anh đã nhận lỗi với vợ nhưng vợ anh không chấp nhận mà dẫn con bỏ đi sống riêng. Anh thừa nhận lúc nóng giận đã chửi mắng và hăm dọa giết chị M.

Anh B có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị M;

- Về con chung: Nếu ly hôn thì anh đồng ý giao con chung tên Nguyễn Hải D2, sinh ngày 10/7/2010 cho chị M chăm sóc nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Đối với con tên Nguyễn Tường D1, sinh ngày 18/11/2004 đã đủ tuổi trưởng thành nên anh không yêu cầu giải quyết;

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết;

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết

*** Tại biên bản ghi nhận ý kiến của con chưa thành niên ngày 20/11/2025 đối với cháu Nguyễn Hải D2:**

Nếu cha mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được mẹ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – An Giang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:**

Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 3 Điều 4; khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên bố chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M.

Về hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị M ly hôn với anh Nguyễn Văn B vì “Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hải D2 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của chị M về việc không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị M khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung với anh Nguyễn Văn B nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*”, bị đơn anh Nguyễn Văn B có nơi cư trú tại ấp Thạnh Tây, xã Tân Hiệp, tỉnh An Giang nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn B chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Ái, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ, do đó quan hệ hôn nhân chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn B là hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét yêu cầu xin ly hôn của chị M: Tại phiên toà, chị M trình bày nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng trong hôn nhân là: do chị nghi ngờ anh B có vợ bé nhưng chị không tìm hiểu cụ thể. Chị đã yêu cầu chồng chấm dứt mối quan hệ này nhưng chồng chị cho rằng đó chỉ là quan hệ bạn bè thân thiết rồi chửi mắng chị thậm tệ. Sau nhiều lần không thuyết phục được anh B từ bỏ quan hệ ngoài hôn nhân chị M đã dẫn con trai nhỏ đi về Thứ 7 (huyện An Biên cũ) sinh sống và nay chị vẫn kiên quyết xin ly hôn. Anh Nguyễn Văn B cũng thừa nhận rằng anh cũng có quan hệ ngoài hôn nhân nhưng anh cho rằng chuyện đó là bình thường trong cuộc sống, anh đã nhận lỗi với vợ nhưng vợ anh không chấp nhận mà dẫn con bỏ đi sống riêng và anh thừa nhận lúc nóng giận đã chửi mắng hăm dọa giết chị M, nay anh B không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên nhân mâu thuẫn là do xuất phát từ anh B có lỗi là có mối quan hệ ngoài hôn nhân với người khác và anh thường xuyên chửi mắng chị M từ đó vợ chồng còn tiếng nói chung, làm rạn nứt tình cảm vợ chồng, dẫn tới việc chị M không còn muốn sống chung với anh B nữa. Mặt khác hôn nhân dựa trên cơ sở tự nguyện nhưng tại phiên toà chị M xác định chị đã ly thân với anh B từ cách đây vài tháng và nay chị kiên quyết xin ly hôn do không còn tình cảm với anh B, do đó Hội đồng xét xử xác định anh chị không có khả năng đoàn tụ, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị M đối với anh Nguyễn Văn B theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[3] Về quan hệ nuôi con chung: Trong thời gian chung sống chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn B có 02 người con chung tên Nguyễn Tường D1, sinh ngày 18/11/2004 và Nguyễn Hải D2, sinh ngày 10/7/2010. Đối với cháu Nguyễn Tường D1, sinh ngày 18/11/2004 đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu xem xét giải quyết, chị Nguyễn Thị M yêu cầu được nuôi con chung là cháu Nguyễn Hải D2, sinh ngày 10/7/2010, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy rằng chị Nguyễn Thị M là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hải D2 từ khi sinh ra cho đến nay và cháu Hải D2 cũng có ý kiến muốn theo mẹ nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Nguyễn Hải D2

cho chị Nguyễn Thị M chăm sóc, nuôi dưỡng để không làm thay đổi môi trường sinh sống của các cháu là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và cũng phù hợp nguyện vọng của cháu. Anh Nguyễn Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về việc cấp dưỡng nuôi con: do chị Nguyễn Thị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn B cam kết trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 4; khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” với anh Nguyễn Văn B.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung:

Đối với con chung là cháu Nguyễn Tường D1, sinh ngày 18/11/2004 đã đủ tuổi trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Giao con chung là cháu Nguyễn Hải D2, sinh ngày 10/7/2010 cho chị M chăm sóc nuôi dưỡng (phù hợp với nguyện vọng của cháu D2), chị M tự nguyện không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn B xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải nộp tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án lệ phí Tòa án án số 0003570 ngày 09/10/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh An Giang.

5. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 3 – An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Danh Phạm Ngọc Khánh